

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01-6-2018
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Văn Truyền
2. Bà Lê Thị Hồng Nhan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2018/TLST-HN ngày 15 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim T, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/5/2018)

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn L, sinh năm 1987 (có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước chị và anh Dương Văn L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M

vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên gia đình chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, cờ bạc, đánh đập chị, không chăm lo cho gia đình. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng nên xin được ly hôn với anh L.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Dương Thị Kim A, sinh ngày 16/02/2006 và Dương Văn Anh Q, sinh ngày 22/4/2011, các con hiện đang sống với anh L từ lúc anh chị sống ly thân cho đến nay. Khi anh L chăm sóc con, các con vẫn được đảm bảo phát triển tốt về thể chất và tinh thần nên chị đồng ý để anh L được quyền trực tiếp nuôi 02 con, chị không cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Dương Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Kim T do quen biết, tự tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên gia đình chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn. Nguyên nhân chị T xin ly hôn là do chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Dương Thị Kim A, sinh ngày 16/02/2006 và Dương Văn Anh Q, sinh ngày 22/4/2011, các con hiện đang sống với anh từ lúc anh chị sống ly thân cho đến nay. Nay ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Công việc hiện nay của anh là làm chỉ xơ dừa, thu nhập mỗi tháng từ 08 đến 10 triệu đồng, đủ để nuôi các con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 ghi nhận thuận tình ly hôn của chị T và anh L;
Về con chung: Anh L tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Dương Thị Kim A,

sinh ngày 16/02/2006 và Dương Văn Anh Q, sinh ngày 22/4/2011, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không có yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 14/5/2018 và bị đơn anh Dương Văn L có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2018 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh L là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Phạm Thị Kim T và anh Dương Văn L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống bên gia đình chồng. Theo chị T, cuộc sống hôn nhân của chị và anh L không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh L thường xuyên uống rượu, cờ bạc, đánh đập chị, không chăm lo cho gia đình. Anh L thì cho rằng giữa anh và chị T không có mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, nguyên nhân chị Tiên xin ly hôn là do chị Tiên có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Nay anh cũng không còn tình cảm với chị T, nên đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh L có 02 con chung là cháu Dương Thị Kim A, sinh ngày 16/02/2006 và cháu Dương Văn Anh Q, sinh ngày 22/4/2011, hiện đang sống với anh L. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2018, anh L có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim A và cháu Q và tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2018 chị T cũng đồng ý để anh L tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét thấy, anh L hiện có nghề nghiệp và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi cháu Kim A và cháu Q. Vì vậy, giao cháu Kim A và cháu Anh Q cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì việc anh L không yêu cầu cấp dưỡng là sự tự nguyện của anh nên ghi nhận.

[4] *Về chia tài sản*: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

[5] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Phạm Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim T và anh Dương Văn L.

2. *Về nuôi con chung*: Anh Dương Văn L tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung là Dương Thị Kim A, sinh ngày 16/02/2006 và Dương Văn Anh Q, sinh ngày 22/4/2011. Chị Phạm Thị Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Dương Văn L không có yêu cầu cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Trong thời gian chung sống chị T và anh L không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

4. *Về án phí hôn nhân*: Chị Phạm Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009050 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã Khánh Thạnh Tân (79, 01/2010)
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đỉnh

4. *Về án phí hôn nhân*: Chị Phạm Thị Kim Tiền phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009050 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Truyền

Lê Thị Hồng Nhan

Nguyễn Văn Đĩnh